

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Liên;

2. Ông Hà Quốc Sử.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Việt D, sinh năm 1985;

Cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1990;

Cư trú: Tổ 13, khóm K4, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa ông D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt;*

*bà N vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Việt D trình bày:*

Ông D và bà Phạm Thị N tự nguyện quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, đã nhiều lần cố hàn gắn nhưng không được. Đến năm 2017 thì bà N lặng lẽ bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở, cắt đứt liên lạc. Khi ông ra nhà vợ tìm gặp vợ con thì không được gặp. Sau nhiều lần, ông ra tìm thì cha mẹ vợ mới cho biết là bà N đi làm ở Bình Dương, đem con theo, cuối tuần hoặc cuối tháng mới về. Nhưng khi ông chọn ra gặp vào cuối tuần, cuối tháng thì cũng không được gặp vợ con. Do vợ chồng đã không còn chung sống, không còn liên lạc gì với nhau quá lâu, nên tình cảm không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Thị Thùy L1 sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014. Hiện nay cháu sống chung với bà N, ông D không được gặp con, nên ông đồng ý giao con cho bà N nuôi sau khi ly hôn. Ông Không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, ông không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị N: Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

*Tại phiên tòa*, ông D vắng mặt. Bà N vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà N vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bà và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Vũ Việt D và bà Phạm Thị N tự nguyện quen biết tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì không còn hạnh phúc nữa và hiện nay đã không

còn sống chung với nhau. Ông D xin ly hôn, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Cho thấy mâu thuẫn của ông D, bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông D ly hôn với bà N. Về con chung: Ông D và bà N có một con chung là cháu Thùy L1, hiện tại bà N đang nuôi dưỡng cháu L1. Nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần, quyền lợi mọi mặt cho con nên giữ ổn định việc nuôi con và giao cháu L1 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D không đồng ý cấp dưỡng nên không xem xét đến. Về tài sản chung và nợ chung, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Việt D và bà Phạm Thị N có đăng ký kết hôn; ông D khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn bà N là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do. Ông Vũ Việt D vắng mặt và co đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà N tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 03 tháng 01 năm 2013. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng ông D kiên quyết xin ly hôn vì ông cho rằng tính tình vợ chồng không hòa hợp, đã nhiều lần cố hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã không còn chung sống, bà N đã bỏ đi và cắt đứt liên lạc với ông. Bản thân ông D trình bày ông không biết lý do vợ ôm con bỏ đi, thể hiện ông D chưa đủ quan tâm để thấu hiểu được tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của vợ mình. Về phía bà N, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện bà N không có nguyện vọng đoàn tụ. Việc bà N ôm con bỏ đi không liên lạc với ông D thể hiện bà N chưa đủ tin tưởng vào ông D để cùng chia sẻ, thấu hiểu nhau. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của ông D và bà N đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: Ông D xác định ông và bà N có một con chung là cháu Vũ Thị Thùy L1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014. Hiện nay cháu sống chung với bà N, ông D đồng ý giao con cho bà N nuôi sau khi ly hôn, ông D không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Bà N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không đưa cháu L1 đến tòa án làm việc. Ông D cũng không cung cấp ý kiến, nguyện vọng của cháu L1. Mặt khác, ông D cũng có yêu cầu Tòa án không tiến hành lấy ý kiến của cháu L1 để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt và tâm lý của cháu. Nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu L1 về người nuôi cháu. Tuy nhiên, hiện nay cháu L1 do bà N nuôi dưỡng và ông D cũng đồng ý giao cháu cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu L1, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D về việc nuôi con chung. Về việc cấp dưỡng cho con, bà N không có yêu cầu cũng không cung cấp ý kiến về vấn đề này, còn ông D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N cũng không cung cấp ý kiến về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Ông Vũ Việt D được ly hôn với bà Phạm Thị N.

2. Về con chung:

Ông Vũ Việt D và bà Phạm Thị N có 01 (một) con chung là cháu Vũ Thị Thùy L1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014.

Bà Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Vũ Thị Thùy L1. Bà Phạm Thị N và thành viên gia đình không được cản trở ông Vũ Việt D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Thị Thùy L1.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Vũ Việt D không phải cấp dưỡng cho cháu Vũ Thị Thùy L1.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Vũ Việt D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001289 ngày 19 tháng 05 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. Đ, S, An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim Liên**

**Hà Quốc Sử**

**Nguyễn Thùy Giang**